

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 208/2024/HC-PT
Ngày 22 tháng 3 năm 2024
V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính về quản lý đất đai, cưỡng chế
thu hồi đất*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng.

Các thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tân.

Ông Ngô Đức Thọ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Dũng - Kiểm sát viên cao cấp.

Trong các ngày 18, 22 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số: 804/2023/TLPT-HC ngày 06 tháng 11 năm 2023 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai, cưỡng chế thu hồi đất*”,

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 48/2023/HC-ST ngày 13/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 395/2024/QĐ-PT ngày 27 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

1.1. Ông Nguyễn Tất H, sinh năm 1960 (có mặt).

1.2. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số A khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Lê Văn N, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: 2 B, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền ngày 13/6/2022).

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Trọng T – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố D (vắng mặt).

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Hùng D – Phó Chủ tịch thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh B (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Tất H và bà Nguyễn Thị X – Là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung của ông Nguyễn Tất H, bà Nguyễn Thị X và lời khai của người đại diện theo ủy quyền của ông H và bà X trình bày:

Ông H và bà X có quyền sử dụng đất các thửa đất số: 5, 6, 59, tờ bản đồ số 10 với tổng diện tích: 1.478m², mục đích sử dụng đất: đất thổ cư: 250m² và 1.228m² đất LN tọa lạc tại xã Đ, huyện T (nay là phường Đ, thành phố D), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2271 QSDĐ/DH do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 28/3/2000 cho vợ chồng ông H, bà X.

Căn cứ Quyết định số: 154/2001/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, ngày 13/11/2003 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ra Quyết định số: 4653/QĐ-CT thu hồi toàn bộ khu đất có diện tích: 283,852ha của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình tại xã Đ, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương, trong đó có các thửa đất nêu trên của vợ chồng ông H để giao cho Đại học Quốc gia Thành phố H để tiến hành bồi thường, giải phóng mặt bằng. Trong quá trình thực hiện việc giải tỏa đền bù và thu hồi đất đối với các hộ dân có đất bị thu hồi nhưng cho đến thời điểm này ông H chưa nhận được quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật.

Mặt khác, trong quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B thu hồi 283,852ha đất chứ không nói cụ thể là thu hồi đất của cá nhân, hộ gia đình nào và diện tích bao nhiêu. Nhưng các cơ quan nhà nước tiến hành kiểm đếm, đo vẽ và áp giá bồi thường và bắt ép vợ chồng ông H phải ký vào các biên bản làm việc và buộc vợ chồng ông H phải bàn giao mặt bằng lại cho Ban giải phóng đền bù là trái với quy định pháp luật về đất đai quy định về trình tự thu hồi đất. Vì vậy, vợ chồng ông H không đồng ý bàn giao đất và nhận tiền đền bù, hỗ trợ. Đến ngày 12/4/2022, vợ chồng ông H nhận được Quyết định số 984/QĐ-UBND ngày 11/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố D về việc cưỡng chế thu hồi đất.

Nhận thấy, việc các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở thành phố D chưa thực hiện đúng các quy định pháp luật về việc thu hồi đất đối với người dân có đất bị thu hồi mà đã dùng biện pháp quyền uy ép buộc vợ chồng ông H phải bàn giao nếu không bàn giao thì tiến hành cưỡng chế. Đây là việc làm có tính xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của vợ chồng ông H. Pháp luật quy định rất rõ chưa có quyết định thu hồi đất và các bên chưa thống nhất về các chính sách bồi thường, hỗ trợ đối với người có đất bị thu hồi thì không được quyền thu hồi đất. Nhưng Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố D vẫn tiến hành ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất, đây là việc làm vi phạm nghiêm trọng quy định pháp luật về đất đai. Do đó, ông H và bà

X khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 984/QĐ-UBND ngày 11/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố D về việc cưỡng chế thu hồi đất và hủy các Quyết định hành chính có liên quan gồm: Quyết định số: 2459/QĐ-UBND ngày 24/7/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân huyện D về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Tất H ngụ tại số A ấp T, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương đối với Quyết định số: 1414/QĐ-UBND ngày 13/5/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân huyện D về việc kiểm kê bắt buộc hiện trạng đất và tài sản trên đất đối với hộ ông Nguyễn Tất H để phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trong dự án xây dựng Đại học Quốc gia Thành phố H; Quyết định số: 4170/QĐ-UBND ngày 30/6/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân huyện D về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Tất H ngụ tại số A ấp T, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương đối với Quyết định số: 5344/QĐ-UBND ngày 30/9/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân huyện D về việc công bố giá trị bồi thường tài sản trên đất đối với hộ ông Nguyễn Tất H thuộc dự án xây dựng Đại học Quốc gia Thành phố H; Quyết định số: 1308/QĐ-UBND ngày 06/6/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh B về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Tất H khiếu nại Quyết định số: 2983/QĐ-UBND ngày 19/6/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân thị xã D về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Tất H.

- Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố D có ý kiến:

Ông Nguyễn Tất H đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2271 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 28/3/2000 gồm có: 03 thửa đất (2 vị trí khác nhau) thuộc tờ bản đồ số 10, cụ thể: Vị trí 1: thửa số 5, 6: diện tích 740m² (có 150m² thổ cư); vị trí 2: 01 phần thửa số 59: diện tích 916m² (có 150m² thổ cư). Năm 2001, ông H chuyển nhượng cho ông Nguyễn Tuấn A, diện tích 178m² (50m² thổ cư) thuộc 01 phần thửa số 59. Diện tích ông H còn lại là: 1.478m² (có 250m² thổ cư).

Thực hiện Dự án Đại học Quốc gia Thành phố H, gia đình ông Nguyễn Tất H bị giải tỏa trắng đối với toàn bộ phần đất diện tích 1.478m² đất nêu trên. Việc kiểm kê, áp giá bồi thường đất, tài sản trên đất và các chính sách hỗ trợ bồi thường cho ông H, cụ thể: Bồi thường về đất: 321.700.000 đồng; về tài sản trên đất: 1.473.876.095 đồng; chính sách hỗ trợ: 7.000.000 đồng. Tổng số tiền bồi thường là: 1.802.576.095 đồng và chính sách tái định cư: được cấp 01 nền, diện tích 150m². Ngoài ra, ông H được Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án xây dựng Đại học Quốc gia Thành phố H giải quyết cấp thêm 01 suất đất tái định cư theo diện gia đình đông nhân khẩu, diện tích 100m² (thuộc diện gia đình đông nhân khẩu), bố trí tại Khu tái định cư Đ Thành phố Hồ Chí Minh,

Ngày 28/4/2009, Hội đồng tiến hành kiểm kê hiện trạng đất và tài sản trên đất của ông Nguyễn Tất H (theo Thông báo số 161/TB-HĐ ngày 20/4/2009 của Hội đồng). Tuy nhiên, ông H không đồng ý cho tổ chuyên viên kiểm kê đo đạc. Ngày 13/5/2009, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D ban hành Quyết định số: 1414/QĐ-UBND về việc kiểm kê bắt buộc hiện trạng đất và tài sản trên đất đối với hộ ông Nguyễn Tất H. Ngày 21/5/2009, Tổ kiểm kê bắt buộc tiến hành kiểm kê bắt buộc hiện trạng đất và tài sản trên đất đối với hộ ông Nguyễn Tất H. Tại buổi kiểm kê ông Nguyễn Tất H vắng mặt, Tổ kiểm kê chỉ ghi nhận hiện trạng, khối lượng tài sản trên đất, không thu thập được các giấy tờ liên quan (như GCNQSDĐ, Sổ hộ khẩu...) để phục vụ áp giá bồi thường.

Ông Nguyễn Tất H khiếu nại cho rằng Quyết định số: 1414/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện về việc kiểm kê bắt buộc hiện trạng đất và tài sản trên đất đối với hộ ông Nguyễn Tất H có hành vi ép buộc người dân trái pháp luật là không có cơ sở, vì quá trình triển khai quy hoạch được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định. Cụ thể là các cơ quan, tổ chức có liên quan đến dự án quy hoạch này đã tổ chức công khai các văn bản liên quan đến chủ trương quy hoạch, chính sách bồi thường, giải tỏa dưới nhiều hình thức: bằng pano, niêm yết, họp dân để triển khai, sao gửi các văn bản về đơn giá bồi thường, hỗ trợ. Đồng thời, trước khi áp dụng biện pháp kiểm kê bắt buộc, các ngành, Đoàn thể, huyện, xã, Hội đồng đã vận động, thuyết phục nhiều lần, sau đó thông báo kiểm kê tự nguyện nhưng hộ ông H vẫn không hợp tác nên công tác kiểm kê vẫn chưa thực hiện được. Chính vì vậy, Ủy ban nhân dân huyện đã tổ chức kiểm kê bắt buộc đối với hộ ông H. Mặt khác, tính đến thời điểm áp dụng biện pháp kiểm kê bắt buộc đối với ông H thì công tác kiểm kê đã thực hiện được 96,5% số hộ (720/746 hộ) có đất nằm trong dự án quy hoạch. Điều này chứng tỏ rằng dự án quy hoạch được sự đồng tình cao của đa số người sử dụng đất nằm trong dự án.

Từ những cơ sở trên, căn cứ ý kiến kết luận của Hội đồng tư vấn giải quyết đơn khiếu nại - tranh chấp tại cuộc họp ngày 06/7/2009, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D (nay là thành phố) đã ban hành Quyết định số: 2459/QĐ-UBND ngày 24/7/2009 giải quyết bác đơn khiếu nại của ông Nguyễn Tất H đối với Quyết định số: 1414/QĐ-UBND ngày 13/5/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D về việc kiểm kê bắt buộc hiện trạng đất và tài sản trên đất đối với hộ ông Nguyễn Tất H để phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trong dự án xây dựng Đại học Quốc gia Thành phố H là đúng quy định pháp luật.

Ngày 30/9/2009, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D ban hành Quyết định số: 5344/QĐ-UBND về việc công bố tiền bồi thường tài sản trên đất đối với ông Nguyễn Tất H với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: 412.830.950 đồng (theo biên bản áp giá số 101BS/TL ngày 29/6/2009, gồm: Bồi thường công trình vật kiến trúc: 406.780.950 đồng; bồi thường cây trái hoa màu: 5.050.000 đồng; chính sách hỗ trợ: 1.000.000 đồng). Sau khi nhận Quyết định công bố tiền bồi thường nêu trên, ông H yêu cầu kiểm kê lại toàn bộ tài sản trên 02 khu đất thuộc thửa 59, thửa số 5, 6, tờ bản đồ số 10, thuộc GCNQSDĐ số 2271 cấp ngày 28/3/2000.

Ngày 25/12/2009, ông Nguyễn Tất H có đơn khiếu nại Quyết định số: 5344/QĐ-UBND ngày 30/9/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V việc công bố giá trị bồi thường tài sản trên đất của hộ gia đình ông Nguyễn Tất H, qua đó ông yêu cầu: Bồi thường giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm thu hồi theo giá chuyển nhượng thực tế; đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư liền kề với đất ở thì phải bồi thường và đề nghị hỗ trợ thêm bằng 70% giá đất ở; hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất, việc làm (theo Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ T2, Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ); Yêu cầu bố trí tái định cư trước khi tiến hành bàn giao mặt bằng vì gia đình không còn chỗ ở nào khác. Đất đang tranh chấp diện tích 392m² với bà Nguyễn Thị M (ông đã gửi đơn khiếu nại đến Văn phòng C nhưng chưa có văn bản trả lời) có tài sản trên đất của gia đình ông, trước khi có quyết định thu hồi phải giải quyết dứt điểm vụ tranh chấp này. Đề nghị kiểm kê lại toàn bộ tài sản trên phần đất diện tích 658m² không tranh chấp do

bà Nguyễn Thị X (vợ) đứng tên và kiểm kê lại tài sản trên 02 khu đất thuộc thửa 59, thửa 5, 6, tờ bản đồ số 10 GCNQSDĐ số 2271 ngày 28/3/2000. Tài sản gắn liền với đất: tài sản trên đất không được áp giá 100% là chưa hợp lý. Yêu cầu được áp giá 100% (theo khoản 1 Điều 24 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ).

Qua thẩm tra hồ sơ áp giá bồi thường của Ban Bồi thường giải toả tại báo cáo số 12/BC.BT-GT ngày 31/5/2010, thể hiện: Dự án xây dựng Đại học Quốc gia Thành phố H thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng trên cơ sở Quyết định số 1969/QĐ-CT ngày 02/6/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc ban hành bảng quy định đơn giá bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất để giải phóng mặt bằng thi công đối với công trình xây dựng Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh đoạn đi qua xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương; Quyết định số 6329/QĐ-CT ngày 12/8/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc điều chỉnh, bổ sung chính sách bồi thường đối với công trình Đại học Quốc gia Thành phố H trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Quyết định số 9020/QĐ-CT ngày 08/12/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc điều chỉnh bản quy định đơn giá bồi thường và chính sách tái định cư đối với công trình Đại học Quốc gia Thành phố H trên địa bàn tỉnh Bình Dương quy định giá bồi thường như sau: “*Giá bồi thường đất thổ cư: Đất tiếp giáp hành lang đường bộ vào sâu 50m các đường liên xã (vị trí 1) giá 550.000 đồng/m²; các vị trí còn lại giá 400.000 đồng/m²; Giá bồi thường đất nông nghiệp: Đất tiếp giáp hành lang giải tỏa trắng (tính từ mép đường nhựa vào 7m) vào sâu 50m: 220.000 đồng/m²; Các vị trí còn lại 150.000 đồng/m²; Các đường còn lại: đất ven hành lang giải tỏa trắng (tính từ mép đường vào sâu bằng một thân đường) không phân biệt vị trí: 150.000 đồng/m²”*. Về hỗ trợ ổn định đời sống, việc làm: Phần D Quyết định số 1969/QĐ-CT ngày 02/6/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh B chỉ quy định về hỗ trợ ổn định đời sống là 1.000.000 đồng/hộ.

Từ những quy định trên, nhận thấy: Việc ông H yêu cầu bồi thường giá đất theo giá chuyển nhượng thực tế (12tr/m² – 13tr/m²); bồi thường đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư bằng 70% giá đất ở theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ là không có cơ sở giải quyết. Vì tại khoản 4 Điều 39 của Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 quy định “*đối với những dự án, hạng mục đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hoặc đang thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo phương án đã được phê duyệt trước khi Nghị định này có hiệu lực thì hành thì thực hiện theo phương án đã phê duyệt, không áp dụng hoặc điều chỉnh theo quy định Nghị định này*”.

Việc ông H yêu cầu bố trí tái định cư trước khi tiến hành giao mặt bằng: Khu tái định cư Đại học Quốc gia Thành phố H được Ủy ban nhân dân tỉnh P quy hoạch chi tiết tại Quyết định số 6286/QĐ-UBND ngày 09/12/2005 tọa lạc tại ấp C, xã B. Hiện nay, Ủy ban nhân dân huyện Đ tập trung cho công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, song song triển khai đầu tư cơ sở hạ tầng khu tái định cư theo quy định. Trong trường hợp phải di dời, bàn giao mặt bằng để thi công các hạng mục công trình theo quy hoạch được duyệt trước khi nhận nền tái định cư, hộ dân sẽ được giải quyết chính sách tạm cư, mức hỗ trợ chi phí thuê nhà là 3.000.000 đồng/tháng (Công văn số 698/UBND-SX ngày 18/3/2009 và Công văn số 1178/UBND-KTN ngày 04/5/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh B).

Về hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp: Phần D, Quyết định số 1969/QĐ-CT ngày 02/6/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh B chỉ quy định về trợ cấp chi phí đào tạo đổi với những hộ làm nông nghiệp tại khu đất bị giải tỏa. Trường hợp của ông Nguyễn Tất H không đủ điều kiện để được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp.

Việc ông H yêu cầu tài sản trên đất được áp giá 100%: Căn cứ mục 2.I.B Quyết định số 1969/QĐ-CT ngày 02/6/2003 Ủy ban nhân dân tỉnh B quy định: “Nhà xây dựng không có giấy phép của cấp có thẩm quyền nhưng không vi phạm HLBV công trình, không lấn chiếm, không tranh chấp, được cơ quan có thẩm quyền xác nhận thì được đền bù 95% giá trị sử dụng còn lại của nhà theo đơn giá quy định”. Do đó, nhà ở của ông Nguyễn Tất H áp giá bồi thường tỷ lệ 95% là đúng quy định.

Phần đất tranh chấp diện tích 392m² với bà Nguyễn Thị M: vụ việc đã có Quyết định số 1389/QĐ-UBND ngày 03/4/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh B giải quyết tranh chấp với nội dung bác đơn ông Nguyễn Tất H và công nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị M. Tuy nhiên, ông H tiếp tục khiếu nại, Ủy ban nhân dân tỉnh G cho Thanh tra tỉnh xem xét lại vụ việc trên. Khi quyết định có hiệu lực thi hành, Ủy ban nhân dân huyện sẽ tiến hành áp giá bồi thường theo quy định.

Đề nghị kiểm kê lại toàn bộ tài sản trên phần đất 658m² không tranh chấp do bà Nguyễn Thị X (vợ) đứng tên và kiểm kê lại tài sản trên 02 khu đất thuộc thửa 59, thửa 5, 6 tờ bản đồ số 10 tại GCNQSDĐ số 2271 ngày 28/3/2000: nội dung yêu cầu này đã được giải quyết.

Do đó ngày 30/6/2010, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D ban hành Quyết định số: 4170/QĐ-UBND giải quyết bác đơn khiếu nại của ông Nguyễn Tất H đối với Quyết định số: 5344/QĐ-UBND ngày 30/9/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V việc công bố giá trị bồi thường tài sản trên đất đối với hộ ông Nguyễn Tất H là đúng quy định pháp luật.

Ngày 27/5/2010, Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng tiến hành kiểm kê bổ sung tài sản trên đất cho hộ ông Nguyễn Tất H. Trên cơ sở Biên bản kiểm kê bổ sung tài sản trên đất nêu trên và căn cứ Quyết định số: 332/QĐ-UBND ngày 26/01/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh B, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã D ban hành 02 Quyết định công bố bổ sung tiền bồi thường cho hộ ông Nguyễn Tất H, cụ thể: Quyết định số: 10529/QĐ-UBND ngày 29/12/2011 về việc công bố tiền bồi thường bổ sung tài sản gắn liền với đất đối với ông Nguyễn Tất H là: 943.560.965 đồng, theo Biên bản áp giá bổ sung số 101BSTL/AG-(BS332) ngày 10/5/2011 và Quyết định số: 311/QĐ-UBND ngày 12/01/2012 về việc công bố tiền bồi thường bổ sung tài sản gắn liền với đất đối với ông Nguyễn Tất H là: 117.484.180 đồng, theo Biên bản áp giá bổ sung số 101BSTL/AG-(BS332) ngày 27/12/2011. Đến ngày 14/12/2012, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã D ban hành Quyết định số: 7993/QĐ-UBND công bố tiền bồi thường về đất là: 321.700.000 đồng và cấp 01 suất đất tái định cư diện tích 150m² (do bị thu hồi đất thổ cư) đối với hộ ông Nguyễn Tất H, theo Biên bản áp giá số 101BSTL/AGBS ngày 20/8/2012.

Ngày 16/7/2013, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã D ban hành Quyết định số 3547/QĐ-UBND về việc công bố bổ sung chính sách hỗ trợ ổn định đời sống đối với ông Nguyễn Tất H là: 7.000.000 đồng, theo Biên bản áp giá bổ sung số 101BSTL/AGBS ngày 15/01/2013; Ngày 15/8/2013, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị

xã D ban hành Quyết định số 4225/QĐ-UBND về việc công bố bổ sung 01 suất tái định cư diện tích 100m² cho ông Nguyễn Tất H do thuộc diện gia đình đông nhân khẩu bằng hình thức nhận tiền thay đất (do không đủ đất tái định cư để bố trí) là: 300.000.000 đồng, theo Biên bản áp giá bổ sung số 101BSTL/AGBS ngày 05/7/2013. Ngày 20/10/2014, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã D ban hành Quyết định số 5980/QĐ-UBND về việc công bố chính sách tái định cư đối với ông Nguyễn Tất H từ cấp tái định cư bằng tiền sang cấp đất tái định cư 100m². Nhưng ông Nguyễn Tất H chưa nhận tiền bồi thường, chưa bàn giao mặt bằng và chưa đồng ý bóc thăm nhận nền đất tái định cư tại Khu tái định cư Đ Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 19/3/2019, Ủy ban nhân dân thị xã D ban hành Thông báo số 93/TB-UBND về việc yêu cầu nhận tiền bồi thường và bàn giao mặt bằng đối với phần đất thuộc thửa đất số 5, 6 tờ bản đồ số 10, diện tích 740m². Ngày 19/02/2020, Trung tâm phát triển quỹ đất chủ trì họp các hộ dân tại Ban điều hành khu phố T về việc vận động các hộ dân bàn giao mặt bằng theo Thư mời số 134/TM.TTPTQĐ ngày 28/5/2020 của Trung tâm phát triển quỹ đất (ông H không đồng ý nhận thư mời); tại buổi vận động ông H vắng mặt không có lý do.

Ngày 19/6/2020, Ủy ban nhân dân phường Đ có Báo cáo số 92/BC-UBND về kết quả vận động các hộ dân thuộc dự án đường M (đường số F đoạn B) và công trình S. Trong đó hộ ông H vắng mặt không có lý do. Ngày 28/7/2020, Trung tâm phát triển quỹ đất phát hành Công văn số 290/TTPTQĐ về việc đề nghị cưỡng chế thu hồi đất thuộc công trình xây dựng Đại học Quốc gia Thành phố H đối với ông Nguyễn Tất H. Ngày 16/11/2021, Phòng T3 phát hành Tờ trình số 429/TT-PTNMT về việc cưỡng chế thu hồi đất thuộc Công trình xây dựng Đại học Quốc gia Thành phố H đối với ông Nguyễn Tất H.

Đến ngày 11/3/2022, Chủ tịch Ủy ban thành phố D ban hành Quyết định số: 984/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất thuộc công trình xây dựng Đại học Quốc gia Thành phố H đối với ông Nguyễn Tất H theo quy định của pháp luật.

Ông H khởi kiện cho rằng chưa có quyết định thu hồi đất đối với từng cá nhân có đất bị thu hồi, việc áp giá đền bù quá thấp so với giá thị trường tại nơi có đất bị thu hồi và chính sách theo quy định của pháp luật đã được Ủy ban nhân dân thành phố D giải quyết tại các Quyết định 2983/QĐ-UBND ngày 19/6/2013 và Quyết định số 4174/QĐ-UBND ngày 01/10/2018; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B giải quyết tại Quyết định số 1308/QĐ-UBND ngày 06/6/2014.

Ngoài ra, tại Báo cáo số 275/BC-TTCTP ngày 25/02/2016 của Thanh tra Chính phủ về báo cáo kết luận kết quả thẩm tra, xác minh khiếu nại của bà Nguyễn Thị D1 và một số công dân liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án xây dựng Đại học Quốc gia Thành phố H trong đó có nội dung Tranh tra Chính phủ thống nhất với Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại không ban hành quyết định thu hồi đất như sau: *“Căn cứ Điều 23 Luật Đất đai năm 1993 được sửa đổi, bổ sung năm 2001 quy định UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích không phải là sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, làm muối cho các đối tượng: Tổ chức sử dụng đất, hộ gia đình, cá nhân tại nội thành, nội thị xã. Do đó, việc thu hồi 283,852 ha/2.522 thửa đất thuộc 04 tờ bản đồ địa chính chính quy xã Đ và xã B là đúng quy*

định, các hộ dân khiếu nại UBND huyện (nay là thị xã) Dĩ An không ban hành quyết định thu hồi đất riêng cho từng hộ gia đình, cá nhân là không có cơ sở”.

Về lý do pháp luật quy định rất rõ chưa có quyết định thu hồi đất và các bên chưa thống nhất về chính sách bồi thường, hỗ trợ đối với người có đất bị thu hồi thì không được quyền thu hồi đất: Tại khoản 6 Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013 có nêu *“Người có đất thu hồi, tổ chức, cá nhân có liên quan có quyền khiếu nại về việc thu hồi đất theo quy định của pháp luật về khiếu nại. Trong khi chưa có quyết định giải quyết khiếu nại thì vẫn phải tiếp tục thực hiện quyết định thu hồi đất, quyết định cưỡng chế thu hồi đất. Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết khiếu nại có kết luận việc thu hồi đất là trái pháp luật thì phải dừng cưỡng chế nếu việc cưỡng chế chưa hoàn thành; hủy bỏ quyết định thu hồi đất đã ban hành và bồi thường thiệt hại do quyết định thu hồi đất gây ra”.*

Đến thời điểm hiện tại, các quyết định giải quyết khiếu nại, kiến nghị đối với ông Nguyễn Tất H liên quan đến việc thu hồi đất vẫn còn giá trị pháp lý, chưa có quyết định hay văn bản nào kết luận việc thu hồi đất đối với ông H là trái pháp luật. Ngoài ra, tại khoản 2 Điều 11 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ T2 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất: *“Điều 11. Hồ sơ trình ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định cưỡng chế thu hồi đất: ...2. Hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất do Phòng T3 lập gồm:a) Quyết định thu hồi đất;b) Văn bản đề nghị cưỡng chế thu hồi đất của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng;c) Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi về quá trình vận động, thuyết phục người có đất thu hồi theo quy định nhưng không chấp hành việc bàn giao đất cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng;d) Tờ trình kèm theo dự thảo quyết định cưỡng chế thu hồi đất theo Mẫu số 11 ban hành kèm theo Thông tư này”.*

Từ những cơ sở và quan điểm nêu trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố D đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Tất H.

- *Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B có ý kiến:* Dự án xây dựng Đại học Quốc gia Thành phố H được Thủ tướng Chính phủ quyết định chọn địa điểm xây dựng năm 1995, phê duyệt quy hoạch chung năm 1997. Quá trình thực hiện chia làm các giai đoạn trong đó công trình xây dựng Đ thực hiện từ năm 1997 đến năm 1999; riêng C thực hiện từ năm 2001 đến nay theo phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung ngày 17/6/2001 và phê duyệt quy hoạch chi tiết ngày 17/6/2003 của Thủ tướng Chính phủ.

Năm 2003, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số: 1969/QĐ-CT ngày 03/6/2003 về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với công trình xây dựng Dự án Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh trên địa bàn xã Đ và xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương; Quyết định số: 4653/QĐ-CT ngày 13/11/2003 về việc thu hồi đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân tại xã Đ, xã B, huyện D giao cho Đại học Quốc gia để tiến hành bồi thường giải phóng mặt bằng theo quy hoạch chi tiết.

Quá trình triển khai dự án, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B đã ban hành các văn bản điều chỉnh, bổ sung chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư như: Quyết

định số 6329/QĐ-CT ngày 12/8/2004; Quyết định số 9020/QĐ-CT ngày 08/12/2004, QĐ số 332/QĐ-CT ngày 26/01/2011, Công văn số 3442/UBND-KTN ngày 16/11/2011.

Tại biên bản làm việc ngày 07/8/2013 của Thanh tra tỉnh Bình Dương, ông Nguyễn Tất H trình bày khiếu nại việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thuộc dự án xây dựng Dự án Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh liên quan 02 phần đất gồm: Diện tích 1.478m² (250m² thổ cư và 1.228m² đất nông nghiệp) gồm các thửa đất 5, 6, 59 tờ bản đồ số 10, nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2271 được Ủy ban nhân dân huyện D cấp ngày 28/3/2000 cho ông H; diện tích 1.050m² do bà Nguyễn Thị X kê khai đóng thuế từ năm 1993 đến năm 2005.

Năm 2003 gia đình ông H có phát sinh tranh chấp đất với bà Nguyễn Thị M (người sử dụng đất giáp ranh) với diện tích 329m². Theo biên bản làm việc ngày 23/8/2013 của Thanh tra tỉnh Bình Dương với đại diện Ủy ban nhân dân thị xã D, Ủy ban nhân dân phường Đ và Trung tâm quản lý và phát triển khu đô thị Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh và sổ mục kê năm 1995 xã Đ thể hiện phần đất mà ông H yêu cầu được bồi thường diện tích 1.050m² có nguồn gốc, quá trình sử dụng kê khai và thực hiện nghĩa vụ thuế, giải quyết tranh chấp như sau: Phần đất diện tích 1.050m² nằm trong khu đất có tổng diện tích hơn 3.000m² (gồm các thửa 1, 2, 3, 4, 5, 6 tờ bản đồ số 10, bản đồ chính quy xã Đ năm 1995). Trước năm 1987 là đất rừng hoang không ai sử dụng, sau đó có 03 gia đình sử dụng phần đất trên, cụ thể: Gia đình bà Nguyễn Thị M sử dụng, đăng ký chính quy thửa 1, 2 với tổng diện tích 1.800m². Hội đồng bồi thường đã bồi thường đất cho bà M; Gia đình ông H và bà X sử dụng, đăng ký chính quy thửa 5, 6 với tổng diện tích 740m², phần đất này đã áp giá bồi thường cho ông H; Gia đình ông Đào Ngọc T1 sử dụng, đăng ký chính quy thửa đất số 3 với tổng diện tích 785m².

Về thực hiện nghĩa vụ thuế: Gia đình ông H kê khai nộp thuế năm 1992 đến năm 1996 với diện tích 1.050m², nhưng từ năm 1997 chỉ kê khai nộp thuế 800m²; gia đình bà M kê khai nộp thuế từ năm 1993 đến năm 1996 diện tích 1.500m² nhưng đến năm 1997 kê khai nộp thuế 1.800m². Tại phần ranh giới đất sử dụng của gia đình bà M và gia đình ông H phát sinh tranh chấp vào năm 2003 khi ông H xây hàng rào với diện tích đất tranh chấp là 392m² thuộc một phần thửa đất số 2, tờ bản đồ số 10. Việc tranh chấp đất được giải quyết tại Quyết định số 459/QĐ-CT ngày 18/3/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D và Quyết định số 1389/QĐ-UBND ngày 03/4/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B với nội dung công nhận phần đất 329m² thuộc quyền sử dụng đất của gia đình bà Nguyễn Thị M, yêu cầu ông H phá dỡ hàng rào lấn chiếm đất.

Quá trình thực hiện bồi thường, hỗ trợ để thu hồi đất thực hiện Dự án thì hộ ông H không hợp tác cho kiểm kê đất và tài sản trên đất, đến ngày 20/4/2004, Hội đồng bồi thường có Thông báo số 161/TB-UBND về việc kiểm kê, lập hồ sơ bồi thường đối với hộ ông Nguyễn Tất H. Đến ngày 13/5/2009, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D ban hành Quyết định số: 1414/QĐ-UBND về việc kiểm kê bắt buộc hiện trạng đất và tài sản trên đất của ông H. Ngày 21/5/2009, Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng tiến hành kiểm kê bắt buộc hiện trạng đất và tài sản trên đất đối với hộ ông H, lập biên bản kiểm kê số 101BS/TL/KKBB nhưng ông H không có mặt tại buổi kiểm

kê. Trên cơ sở đó lập Bảng áp giá số 101BS/TL ngày 29/6/2009 áp giá bồi thường tài sản trên đất với giá trị bồi thường là 412.830.950 đồng.

Ngày 30/9/2009, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D ban hành Quyết định số 5344/QĐ-UBND về việc công bố tiền bồi thường tài sản trên đất đối với ông Nguyễn Tất H với số tiền 412.830.950 đồng. Ngày 27/5/2010, Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng tiến hành kiểm kê bổ sung lại đất và tài sản trên đất theo Công văn số: 814/UBND-NC ngày 28/4/2010 của Ủy ban nhân dân huyện D. Hội đồng bồi thường lập biên bản số 101/BS/TL/AG-(BS332) áp giá bổ sung tài sản trên đất với giá trị áp giá bổ sung là 943.560.956 đồng. Ngày 29/12/2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã D ban hành Quyết định số 10529/QĐ-UBND về việc công bố tiền bồi thường tài sản trên đất cho ông H với số tiền 943.560.956 đồng. Ngày 12/01/2012, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã D ban hành Quyết định 311/QĐ-UBND về việc công bố tiền bồi thường bổ sung tài sản trên đất cho ông hưng với số tiền 117.484.180 đồng. Ngày 30/8/2012 Hội đồng bồi thường lập bảng áp giá bổ sung số 101BSTL/AGBS, áp giá bồi thường đối với 250m² đất thổ cư và 1.228m² đất nông nghiệp với tổng giá trị bồi thường về đất là 321.700.000 đồng và bố trí 01 suất đất tái định cư 150m². Ngày 14/12/2012, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã D ban hành Quyết định số: 7993/QĐ-UBND về việc công bố tiền bồi thường đất trên cho ông Nguyễn Tất H.

Việc ông H khiếu nại Quyết định số: 2983/QĐ-UBND ngày 19/6/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã D và yêu cầu bồi thường phù hợp với thời điểm thu hồi đất riêng cho từng hộ gia đình, cá nhân và bồi thường phù hợp với thời điểm có quyết định thu hồi đất, thực hiện bồi thường đơn giá đất nhân hệ số K theo quy định tại Điều 8 Nghị định số: 22/1998/NĐ-TTg ngày 24/4/1998 của Chính phủ, áp giá bồi thường đất và tài sản trên đất đối với phần đất 1.050m² là không có cơ sở xem xét, giải quyết vì: Dự án xây dựng Đại học Quốc gia Thành phố H đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt quy hoạch chung tại Quyết định số 1069/1997/QĐ-TTg ngày 11/12/1997, theo đó ngày 13/11/2003 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định 4653/QĐ-CT về việc thu hồi đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân là thực hiện đúng theo quy định của Luật Đất đai năm 1993.

Trên cơ sở thu hồi đất và giao đất của Ủy ban nhân dân tỉnh B, chủ đầu tư dự án tiến hành kiểm kê, áp giá bồi thường cho các hộ dân, Ủy ban nhân dân huyện (thành phố D) không ban hành quyết định thu hồi đất riêng cho từng cá nhân, hộ gia đình là không trái quy định của pháp luật. Do đó, việc ông H yêu cầu ban hành Quyết định thu hồi đất với từng hộ gia đình, cá nhân và bồi thường phù hợp với thời điểm có quyết định thu hồi đất là không có căn cứ.

Về giá bồi thường về đất của Ủy ban nhân dân tỉnh B đã phê duyệt tại các Quyết định số: 1969/QĐ-CT ngày 02/6/2003 và điều chỉnh, bổ sung tại Quyết định số: 6329/QĐ-CT ngày 12/8/2004, Quyết định số: 9020/QĐ-CT ngày 08/12/2004 là đã nhân với hệ số K theo đúng quy định tại Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ. Vì vậy, việc ông H yêu cầu thực hiện nhân hệ số K theo quy định tại Điều 8 Nghị định số: 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ là không thể xem xét.

Việc ông H yêu cầu áp giá bồi thường đất và tài sản trên đất đối với phần đất 1.050m² đất này (nằm trong tổng diện tích hơn 3.000m² gồm thửa đất số 1, 2, 3, 4, 5, 6 tờ bản đồ số 10), nhưng ông Nguyễn Tất H chỉ được giao quyền sử dụng đất với diện tích 740m² thuộc thửa số 5, 6 và đã bồi thường theo đúng quy định.

Từ những cơ sở pháp lý và nội dung nêu trên, ngày 06/6/2014 Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh B ban hành Quyết định số: 1308/QĐ-UBND về việc giải quyết bác đơn khiếu nại (lần hai) của ông Nguyễn Tất H, là đúng quy định pháp luật. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B vẫn giữ nguyên quan điểm giải quyết tại Quyết định số: 1308/QĐ-UBND ngày 06/6/2014, đồng thời đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương tuyên xử bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Tất H, công nhận Quyết định số 1308/QĐ-UBND ngày 06/6/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương là đúng pháp luật. Bên cạnh đó, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xem xét việc xác định quan hệ tranh chấp là khiếu kiện quyết định hành chính về việc giải quyết khiếu nại tại Quyết định số: 1308/QĐ-UBND ngày 06/6/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 48/2023/HC-ST ngày 13/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 30, khoản 3 và khoản 4 Điều 32, khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 164, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206 và khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 27 Luật Đất đai năm 1993 (được sửa đổi, bổ sung năm 1998 và 2001); khoản 2, khoản 3 Điều 71 Luật Đất đai năm 2013 Điều 126, 127 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003; khoản 1 Điều 20 và Điều 38 Luật Khiếu nại, tố cáo năm 1998 (sửa đổi, bổ sung năm 2004 và 2005); Điều 18, khoản 2 Điều 21, Điều 31 và Điều 40 Luật Khiếu nại năm 2011; khoản 2 Điều 11 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ T2 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất. Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tất H, bà Nguyễn Thị X đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B và Chủ tịch Ủy ban nhân thành phố D về việc yêu cầu hủy các quyết định hành chính sau:

- Quyết định số: 2459/QĐ-UBND ngày 24/7/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân huyện D về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Tất H ngụ tại số A ấp T, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương đối với Quyết định số: 1414/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân huyện D về việc kiểm kê bắt buộc hiện trạng đất và tài sản trên đất đối với hộ ông Nguyễn Tất H để phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trong dự án xây dựng Đại học Quốc gia Thành phố H.

- Quyết định số: 4170/QĐ-UBND ngày 30/6/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân huyện D về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Tất H ngụ tại số A ấp T, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương đối với Quyết định số: 5344/QĐ-UBND ngày 30/9/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân huyện D về việc công bố giá trị bồi thường tài

sản trên đất đối với hộ ông Nguyễn Tất H thuộc dự án xây dựng Đại học Quốc gia Thành phố H.

- Quyết định số: 1308/QĐ-UBND ngày 06/6/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh B về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Tất H khiếu nại Quyết định số: 2983/QĐ-UBND ngày 19/6/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân thị xã D về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Tất H.

- Quyết định số: 984/QĐ-UBND ngày 11/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân thành phố D về việc cưỡng chế thu hồi đất.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 21/9/2023, người khởi kiện ông Nguyễn Tất H và bà Nguyễn Thị X làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H và bà X.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Ông Lê Văn N1 là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Tất H và bà Nguyễn Thị X giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tất H và bà Nguyễn Thị Xuân h các quyết định hành chính sau: Quyết định số: 2459/QĐ-UBND ngày 24/7/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân huyện D về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Tất H ngụ tại số A ấp T, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương đối với Quyết định số: 1414/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân huyện D về việc kiểm kê bắt buộc hiện trạng đất và tài sản trên đất đối với hộ ông Nguyễn Tất H để phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trong dự án xây dựng Đại học Quốc gia Thành phố H; Hủy Quyết định số: 4170/QĐ-UBND ngày 30/6/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân huyện D về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Tất H ngụ tại số A ấp T, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương đối với Quyết định số 5344/QĐ-UBND ngày 30/9/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân huyện D về việc công bố giá trị bồi thường tài sản trên đất đối với hộ ông Nguyễn Tất H thuộc dự án xây dựng Đại học Quốc gia Thành phố H; Hủy Quyết định số: 1308/QĐ-UBND ngày 06/6/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh B về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Tất H khiếu nại Quyết định số: 2983/QĐ-UBND ngày 19/6/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân thị xã D về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Tất H; Hủy Quyết định số: 984/QĐ-UBND ngày 11/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân thành phố D về việc cưỡng chế thu hồi đất.

- Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố D được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt; Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về yêu cầu kháng cáo của ông H và bà X: Kiểm sát viên đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính bác kháng cáo của ông H, và X, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Tất H và bà Nguyễn Thị X hợp lệ, làm trong thời hạn luật định, hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố D được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt; Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt người bị kiện theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Ông Nguyễn Tất H và bà Nguyễn Thị X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số: 984/QĐ-UBND ngày 11/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố D về cưỡng chế thu hồi đất. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền và còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 32, 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Tòa án cấp sơ thẩm xem xét đối với các Quyết định hành chính về giải quyết khiếu nại có liên quan gồm: Quyết định số: 2459/QĐ-UBND ngày 24/7/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Tất H; Quyết định số: 4170/QĐ-UBND ngày 30/6/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Tất H; Quyết định số: 1308/QĐ-UBND ngày 06/6/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Tất H là đúng quy định tại khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Về thẩm quyền ban hành quyết định hành chính bị khởi kiện:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố D ban hành Quyết định số: 984/QĐ-UBND ngày 11/3/2022 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Nguyễn Tất H là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và khoản 3 Điều 71 Luật đất đai năm 2013.

- Các Quyết định hành chính về giải quyết khiếu nại có liên quan gồm Quyết định số: 2459/QĐ-UBND ngày 24/7/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Tất H; Quyết định số: 4170/QĐ-UBND ngày 30/6/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Tất H; Quyết định số: 1308/QĐ-UBND ngày 06/6/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Tất H là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 94, 106 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân; các Điều 20, Điều 23 Luật Khiếu nại, tố cáo năm 1998 sửa đổi bổ sung năm 2005.

[4] Về trình tự, thủ tục và căn cứ ban hành quyết định hành chính bị khởi kiện:

[4.1] Dự án xây dựng Đại học Quốc gia thành phố H được Thủ tướng Chính phủ quyết định chọn địa điểm xây dựng năm 1995, phê duyệt quy hoạch chung năm 1997. Quá trình thực hiện chia làm các giai đoạn, trong đó công trình xây dựng Đ thực hiện từ năm 1997 đến năm 1999; riêng công trình xây dựng Đại học Quốc gia thành phố H thực hiện từ năm 2001 theo phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung ngày 17/6/2001 và Quyết định số 660/QĐ-TTg ngày 17/6/2003 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/2000.

Ngày 13/11/2003, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số: 4653/QĐ-CT về việc thu hồi 283,852ha/2.522 thửa đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc xã Đ và xã B huyện D, tỉnh Bình Dương (theo ranh giới bản đồ quy hoạch chi tiết gồm 2.522 thửa đất thuộc 4 tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2000 do trung tâm dịch vụ địa chính lập ngày 08/3/1995); giao cho Đại học Q để tiến hành bồi thường giải phóng mặt bằng theo quy hoạch chi tiết là nhằm thực hiện Dự án xây dựng Đại học Quốc gia thành phố H đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Ông Nguyễn Tất H có đất bị thu hồi thuộc thửa 25, 26 và một phần thửa 159 tờ bản đồ số 3 tại danh sách tổng hợp thu hồi đất kèm theo Quyết định số: 4653/QĐ-CT ngày 13/11/2003.

Năm 2004, tại trụ sở Văn phòng ấp T, Ủy ban nhân dân huyện D, Hội đồng giải phóng mặt bằng tổ chức công khai chủ trương quy hoạch, đơn giá bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các hộ dân đang sử dụng đất nằm trong dự án quy hoạch thuộc địa bàn ấp T, xã Đ. Đến tháng 10/2005, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đ, Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng tiếp tục đối thoại với các hộ dân thuộc ấp T để giải thích các thắc mắc về chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; đồng thời vận động các hộ hợp tác kiểm kê, trong đó có hộ ông Nguyễn Tất H. Tại buổi đối thoại ngày 08/6/2009, Ban Quản lý Dự án xây dựng Đại học Quốc gia Thành phố H phối hợp Ủy ban nhân dân xã Đ đã tổ chức niêm yết tại trụ sở văn phòng ấp T các văn bản pháp lý liên quan đến dự án quy hoạch Dự án xây dựng Đại học Quốc gia Thành phố H.

Căn cứ kết quả thẩm tra, xác minh của Ban bồi thường giải tỏa tại báo cáo số 68/BC-BTGT ngày 06/7/2009 và mốc ranh giới khu quy hoạch trên thực địa và căn cứ vào bản đồ quy hoạch chi tiết và tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2000 do Trung tâm Dịch vụ Địa chính lập ngày 08/3/1995 thì toàn bộ các thửa đất số: 5, 6 và 59 tờ bản đồ số 10 với tổng diện tích 1.478m²; mục đích sử dụng đất: đất thổ cư: 250m² và 1.228m² đất LN thuộc xã Đ, huyện T (nay là phường Đ, thành phố D), tỉnh Bình Dương của ông H đã được cấp Giấy chứng nhận thuộc phạm vi thu hồi và giải tỏa để làm Dự án xây dựng Đại học Quốc gia Thành phố H.

Căn cứ quyết định số: 1969/QĐ-CT ngày 02/6/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với công trình xây dựng Đại học Quốc gia Thành phố H trên địa bàn xã Đ và xã B huyện D, tỉnh Bình Dương; Ngày 20/4/2009, Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng đã ban hành Thông báo số: 161/TB-HĐBT về việc kiểm kê hiện trạng đất và tài sản trên đất của ông Nguyễn Tất H yêu cầu ông H, bà X có mặt tại vị trí đất giải tỏa thuộc Dự án quy hoạch Đại học Quốc gia Thành phố H để tham gia kiểm đếm tài sản. Tuy nhiên, ông H, bà X không đồng ý ký nhận thông báo và không hợp tác kiểm đếm tài sản trên đất.

Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D đã ban hành Quyết định số: 1414/QĐ-UBND ngày 13/5/2009 về việc kiểm kê bắt buộc hiện trạng đất và tài sản trên đất để phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trong dự án xây dựng Đại học Quốc gia Thành phố H là đúng quy định của pháp luật.

Ngày 21/5/2009, Tổ kiểm kê bắt buộc đã thực hiện việc kiểm kê bắt buộc hiện trạng đất và tài sản trên đất thì ông H, bà X vắng mặt. Sau đó ông H làm đơn khiếu nại. Ngày 24/7/2009, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D ban hành Quyết định số: 2459/QĐ-UBND về việc giải quyết bác đơn khiếu nại của ông Nguyễn Tất H ngụ tại số A ấp T, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương đối với Quyết định số: 1414/QĐ-UBND về việc kiểm kê bắt buộc hiện trạng đất và tài sản trên đất để phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trong dự án xây dựng Đại học Quốc gia Thành phố H là đúng quy định của pháp luật.

Đến ngày 30/9/2009, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D ban hành Quyết định số: 5344/QĐ-UBND về việc công bố giá trị bồi thường tài sản trên đất đối với hộ ông (bà) Nguyễn Tất H thuộc dự án xây dựng Đại học Quốc gia Thành phố H. Sau khi nhận Quyết định số: 5344/QĐ-UBND, ông H khiếu nại và yêu cầu kiểm kê lại toàn bộ tài sản trên 02 khu đất thuộc thửa 59, thửa số 5, 6, tờ bản đồ số 10 đồng thời yêu cầu bồi thường giá đất theo giá chuyển nhượng thực tế (12 triệu/m²– 13 triệu/m²); Bồi thường đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư bằng 70% giá đất ở theo quy định tại Điều 21 Nghị định số: 69/2009/NĐ-CP ngày 27/5/2010 là không có cơ sở. Vì vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D ban hành Quyết định số: 4170/QĐ-UBND ngày 30/6/2010, giải quyết bác đơn khiếu nại của ông Nguyễn Tất H đối với Quyết định số: 5344/QĐ-UBND ngày 30/09/2009 của Ủy ban nhân dân huyện D về việc công bố giá trị bồi thường tài sản trên đất đối với hộ ông H là có căn cứ.

[4.2] Sau đó, Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng tiến hành kiểm kê bổ sung tài sản trên đất cho hộ ông Nguyễn Tất H và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã D ban hành Quyết định số: 10529/QĐ-UBND ngày 29/12/2011 về việc công bố tiền bồi thường bổ sung tài sản gắn liền với đất đối với ông Nguyễn Tất H là: 943.560.965 đồng, theo Biên bản áp giá bổ sung số 101BS/TL/AG-(BS332) ngày 10/5/2011; Quyết định số 311/QĐ-UBND ngày 12/01/2012 về việc công bố tiền bồi thường bổ sung tài sản gắn liền với đất đối với ông Nguyễn Tất H là: 117.484.180 đồng, theo Biên bản áp giá bổ sung số 101BS/AG-(BS332) ngày 27/12/2011.

Ngày 14/12/2012, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã D ban hành Quyết định số: 7993/QĐ-UBND công bố tiền bồi thường về đất là: 321.700.000 đồng và cấp 01 suất đất tái định cư diện tích 150m² đối với hộ ông Nguyễn Tất H, theo Biên bản áp giá số 101BSTL/AGBS ngày 20/8/2012.

Ngày 16/7/2013, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã D ban hành Quyết định số: 3547/QĐ-UBND về việc công bố bổ sung chính sách hỗ trợ ổn định đời sống đối với ông Nguyễn Tất H là: 7.000.000 đồng, theo Biên bản áp giá bổ sung số 101BSTL/AGBS ngày 15/01/2013.

Ngày 15/8/2013, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã D ban hành Quyết định số: 4225/QĐ-UBND về việc công bố bổ sung 01 suất tái định cư diện tích 100m² cho ông Nguyễn Tất H do thuộc diện gia đình đông nhân khẩu bằng hình thức nhận tiền

thay đất là: 300.000.000 đồng, theo Biên bản áp giá bổ sung số 101BSTL/AGBS ngày 31/10/2013. Ngày 20/10/2014, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã D ban hành Quyết định số: 5980/QĐ-UBND về việc công bố chính sách tái định cư đối với ông Nguyễn Tất H từ cấp tái định cư bằng tiền sang cấp đất tái định cư 100m².

Các quyết định nêu trên là phù hợp với phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được phê duyệt, được thể hiện tại các quyết định: Quyết định số 1969/QĐ-CT ngày 02/6/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với công trình Đại học Quốc gia Thành phố H trên địa bàn xã Đ và xã B, huyện D (nay là phường Đ và phường B, thành phố D), tỉnh Bình Dương; Quyết định số 6329/QĐ-CT ngày 12/8/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung chính sách bồi thường đối với công trình Đại học Quốc gia Thành phố H trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Quyết định số 9020/QĐ-CT ngày 08/12/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh đơn giá bồi thường và chính sách tái định cư đối với công trình Đại học Quốc gia Thành phố H trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Quyết định số 332/QĐ-UBND ngày 26/01/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt phương án giải quyết tồn đọng trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng công trình xây dựng Đại học Quốc gia Thành phố H.

Về áp giá bồi thường đất và giá trị tài sản trên đất được căn cứ phương án bồi thường để áp giá bồi thường đất và giá trị tài sản trên đất tại thời điểm thu hồi; về việc xét cấp thêm 01 suất tái định cư thì ngày 20/10/2014, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã D ban hành Quyết định số: 5980/QĐ-UBND về việc công bố chính sách tái định cư đối với ông Nguyễn Tất H từ cấp tái định cư bằng tiền sang cấp đất tái định cư 100m² là đã bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của ông H, bà X.

Ông Nguyễn Tất H khiếu nại yêu cầu bồi thường phù hợp với thời điểm thu hồi đất riêng cho từng hộ gia đình, cá nhân và bồi thường phù hợp với thời điểm có quyết định thu hồi đất, thực hiện bồi thường đơn giá đất nhân hệ số K theo quy định tại Điều 8 Nghị định số: 22/1998/NĐ-TTg ngày 24/4/1998 của Chính phủ.

Xét thấy Dự án xây dựng Đại học Quốc gia Thành phố H đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt quy hoạch chung tại Quyết định số: 1069/1997/QĐ-TTg ngày 11/12/1997, theo đó ngày 13/11/2003 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định 4653/QĐ-CT về việc thu hồi đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân là thực hiện đúng theo quy định của Luật Đất đai năm 1993. Trên cơ sở thu hồi đất và giao đất của Ủy ban nhân dân tỉnh B, chủ đầu tư dự án tiến hành kiểm kê, áp giá bồi thường cho các hộ dân, và Ủy ban nhân dân huyện D không ban hành quyết định thu hồi đất riêng cho từng cá nhân, hộ gia đình là không trái quy định của pháp luật.

Về giá bồi thường về đất của Ủy ban nhân dân tỉnh B đã phê duyệt tại các Quyết định số: 1969/QĐ-CT ngày 02/6/2003 và điều chỉnh, bổ sung tại Quyết định số: 6329/QĐ-CT ngày 12/8/2004, Quyết định số: 9020/QĐ-CT ngày 08/12/2004 là đã nhân với hệ số K theo đúng quy định tại Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ. Vì vậy, việc ông H yêu cầu thực hiện nhân hệ số K theo quy định tại Điều 8 Nghị định số: 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ là không thể xem xét.

Việc ông H yêu cầu áp giá bồi thường đất và tài sản trên đất đối với phần đất 1.050m² đất này (nằm trong tổng diện tích hơn 3.000m² gồm thửa đất số 1, 2, 3, 4, 5, 6 tờ bản đồ số 10), nhưng ông Nguyễn Tất H chỉ được giao quyền sử dụng đất với diện tích 740m² thuộc thửa số 5, 6 và đã bồi thường theo đúng quy định.

Do đó ngày 19/6/2013, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã D ban hành Quyết định: 2983/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Tất H là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau đó, ông H khiếu nại Quyết định 2983/QĐ-UBND thì ngày 06/6/2014 Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh B ban hành Quyết định số: 1308/QĐ-UBND về việc giải quyết bác đơn khiếu nại (lần hai) của ông Nguyễn Tất H, là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 126, 127 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003 và khoản 2 Điều 21, Điều 40 Luật Khiếu nại năm 2011.

[4.3] Sau khi giải quyết khiếu nại, Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Dĩ An đã có nhiều văn bản thông báo cho ông Nguyễn Tất H nhận tiền và bàn giao mặt bằng để thi công công trình Dự án, nhưng ông H không thực hiện. Tổ công tác do Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã D chủ trì phối hợp với các cơ quan chức năng và M1 của phường Đ cũng đã mời các hộ dân chưa bàn giao mặt bằng (trong đó có ông H) để làm việc, vận động và thuyết phục nhưng ông H không tham gia phiên làm việc.

Ngày 16/11/2021, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T3 đã lập Tờ trình số: 429/TTr-PTNMT về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với những trường hợp chưa bàn giao đất, trong đó có ông Nguyễn Tất H là phù hợp hướng dẫn tại khoản 2 Điều 11 Thông tư số: 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ T2 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất.

Do đó, ngày 11/3/2022 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố D ban hành Quyết định số: 984/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Nguyễn Tất H đối với diện tích 740m² thuộc một phần thửa 5, 6 tờ bản đồ số 10 theo Giấy chứng nhận số 2271/QSDĐ/DH ngày 28/3/2000 (thuộc thửa 25, 26 tại bản đồ số 3 theo Quyết định thu hồi đất số: 4653/QĐ-CT ngày 13/11/2003) tọa lạc tại Khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương là có căn cứ đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 71 Luật Đất đai năm 2013

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện hợp pháp của ông H và bà X giữ nguyên yêu cầu kháng cáo cho rằng Ủy ban nhân dân tỉnh B không ra quyết định thu hồi đất đối với từng hộ gia đình cá nhân và tại Quyết định số: 4653/QĐ-CT ngày 13/11/2003 của Ủy ban nhân tỉnh B không có tên của ông H bị thu hồi đất nhưng lại ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất là trái pháp luật. Xét lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của ông H, bà X là chưa có căn cứ để chấp nhận. Bởi vì: Dự án xây dựng Đại học Quốc gia Thành phố H được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch vào năm 1997. Căn cứ quyết định số 836/QĐ-TTg ngày 15/9/1998 của Thủ tướng Chính phủ về thu hồi đất; ngày 13/11/2003, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số: 4653/QĐ-CT về việc thu hồi 283,852ha/2.522 thửa đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc xã Đ và xã B huyện D, tỉnh Bình Dương; giao cho Đại học Q để tiến hành bồi thường giải phóng mặt bằng theo quy hoạch chi tiết là nhằm thực hiện Dự án xây dựng Đại học Quốc gia Thành phố H là

phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 1 Luật Đất đai sửa đổi ngày 29/6/2001 và Điều 28 Luật Đất đai năm 1993.

Căn cứ kết quả thẩm tra, xác minh của Ban bồi thường giải tỏa tại báo cáo số 68/BC-BTGT ngày 06/7/2009 và mốc ranh giới khu quy hoạch trên thực địa và căn cứ vào bản đồ quy hoạch chi tiết và tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2000 do Trung tâm Dịch vụ Địa chính lập ngày 08/3/1995 thì toàn bộ các thửa đất số: 5, 6 và 59 tờ bản đồ số 10 với tổng diện tích 1.478m²; mục đích sử dụng đất: đất thổ cư: 250m² và 1.228m² đất LN thuộc xã Đ, huyện T (nay là phường Đ, thành phố D), tỉnh Bình Dương mà ông H đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc phạm vi thu hồi và giải tỏa để làm Dự án xây dựng Đại học Quốc gia Thành phố H. Tại Biên bản làm việc ngày 24/3/2023 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố D đã có ký kiến: “Phần đất của ông H thuộc ranh giới giải tỏa thực hiện dự án xây dựng Đại học quốc gia Thành phố H, tuy nhiên thời điểm đo đạc, thiết lập bản đồ địa chính theo ranh quy hoạch, vị trí thửa đất thu hồi của từng hộ gia đình, cá nhân được đánh số thửa theo 04 bản đồ địa chính do Trung tâm dịch vụ địa chính tỉnh Sông Bé vẽ và được Sở Địa chính tỉnh Sông Bé xác nhận ngày 09/5/1995 ... các bản đồ địa chính được quy hoạch, phê duyệt dự án xây dựng Đại học Quốc gia Thành phố H có trước thời điểm ông H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2271/QSDĐ/DH ngày 28/3/2000 cho nên vị trí thửa đất thu hồi không trùng khớp với thửa đất địa chính mà ông H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất... Phần đất của ông H đang sử dụng theo quy hoạch thực địa đã được Đại học Quốc gia Thành phố H triển khai cắm mốc thực địa từ năm 1995, xây dựng đường vành đai bao quanh từ năm 1997 đến nay không thay đổi, hoàn toàn nằm trong khu ranh giới thu hồi giao đất của Thủ tướng chính phủ; Mặt khác tại kết luận số: 275/BC-TTTP ngày 25/02/2016 của Thanh tra Chính phủ kết luận và kiến nghị thống nhất với kết quả giải quyết khiếu nại của Ủy ban nhân tỉnh B về việc không chấp nhận khiếu nại không ban hành quyết định thu hồi đất riêng đối với hộ sử dụng đất.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H, bà X cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của ông H, bà X. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của ông H, bà X và giữ nguyên bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ, phù hợp với nhận định trên.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông H và bà X phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Quyết định khác của Bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Tất H và bà Nguyễn Thị X.

2. Giữ nguyên bản án hành chính số: 48/2023/HC-ST ngày 13/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương:

Căn cứ Điều 158, Điều 164, 193, 194 và 195 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tất H và bà Nguyễn Thị X yêu cầu hủy các Quyết định hành chính:

- Quyết định số: 2459/QĐ-UBND ngày 24/7/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Tất H đối với Quyết định số: 1414/QĐ-UBND ngày 13/5/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D về việc kiểm đếm bắt buộc hiện trạng đất và tài sản trên đất đối với hộ Nguyễn Tất H để phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trong dự án xây dựng trường Đại học Quốc gia Thành phố H.

- Quyết định số: 4170/QĐ-UBND ngày 30/6/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Tất H đối với quyết định: 5344/QĐ-UBND ngày 30/9/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D về việc công bố giá trị bồi thường tài sản trên đất đối với hộ Nguyễn Tất H thuộc dự án xây dựng trường Đại học Quốc gia Thành phố H.

- Quyết định số: 1308/QĐ-UBND ngày 06/6/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Tất H đối với Quyết định số: 2983/QĐ-UBND ngày 19/6/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã D.

- Quyết định số: 984/QĐ-UBND ngày 11/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố D về cưỡng chế thu hồi đất.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Tất H và bà Nguyễn Thị X phải nộp 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0011661 ngày 22/9/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương. Ông H và bà X đã nộp đủ.

4. Quyết định khác của Bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC
THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA
(Đã ký)**

